



---

## NATIONAL CAREER RANKING



### Vietnam

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID	
1144,14	CHAU Tuyet Van	international	VIE-1514	Photo
998,61	NGUYEN Dinh Toan	international		
963,34	NGUYEN Thi Le Kim	international		
605,21	LE Thanh Trung	international	VIE-1532	
575,87	NGUYEN Thien Phung	international	VIE-1542	
555,45	NGUYEN Thi Thu Ngan	international		
543,79	NGUYEN Minh Tu	international		
479,40	no name - VIE	international		
398,37	NGUYEN Thuy Xuan Linh	international		
382,61	LE Tran Kim Uyen	international		
359,17	NGUYEN Thi Mong Quynh	international		
357,65	NGO Thi Thuy Dung	international		
329,38	NGUYEN Kim Phuong	international	VIE-1736	
315,24	TRAN Ho Duy	international	VIE-1714	
311,78	LE Anh Minh	international		
300,16	HUA Van Huy	international	VIE-1922	
296,71	BUI Anh Tuan	international	VIE-1739	
288,91	NGUYEN Thi Kim Ha	international	THA-2380	

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID
287,98	LIEN Thi Tuyet Mai	international	
283,82	NGUYEN Dinh Khoi	international	
258,94	LE Ngoc Han	international	VIE-1934
246,68	NGUYEN Ngoc Minh Hy	international	
230,40	LE Trung Anh	international	
223,20	CHAU Ngoc Tuyet Sang	international	VIE-2030
219,09	LE Hieu Nghia	international	
205,83	TRAN Dang Khao	international	VIE-1713
198,11	HA Mi Zah	international	
190,78	NGUYEN Quoc Minh	international	
166,48	PHAM Quoc Viet	international	VIE-1943
163,20	NGUYEN Thi Minh Anh	international	VIE-1737
148,80	NGUYEN Thi Huyen Dieu	international	
146,80	NGUYEN Thanh Hien Linh	international	
138,59	NGUYEN Quang Tri	international	VIE-1936
138,37	HO Thanh An	international	VIE-2153
130,96	TRAN Cao Cam Tien	international	VIE-1615
125,58	TRAN Tien Khao	international	VIE-2029
125,14	NGUYEN Thanh Trung	international	
122,40	HUYNH Vi Nghi	international	VIE-2236
116,80	LE Nhat Hao	international	VIE-2033
112,00	VU Thanh Duong	international	
110,93	NGUYEN Duc Thinh	international	VIE-2037
108,02	LAM Minh Quang	international	
94,65	HO Thanh Phong	international	
91,20	NGUYEN Minh Van	international	
90,90	TRAN Le Thanh Uyen	international	
89,74	NGUYEN Phan Khanh Han	international	VIE-1935
89,05	NGUYEN Van Dang	international	VIE-2031
88,40	NGUYEN Hai Trang	international	VIE-2214
88,00	CAO Lien Huong	international	
87,42	NGUYEN Truong Phuoc Dai	international	
87,20	NGUYEN Trong Phuc	international	VIE-2220
78,40	NGUYEN Ho Cam Giang	international	VIE-2248

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID
76,80	VO Minh Phuc	international	
76,00	NGUYEN Bao Gia Huy	international	
72,40	PHAM Dang Khanh	international	VIE-2226
55,20	DUONG Thi Huynh Mai	international	
53,57	BUI Thuy Nhi	international	
52,00	VO Quang Vinh	international	VIE-2032
49,68	HOANG Van Hieu	international	VIE-1945
48,34	NGUYEN Xuan Thanh	international	
48,00	NGUYEN Khoi Dinh	international	
47,60	NGUYEN Thi Y Binh	international	
43,20	THOI Thi Minh Thuy	international	
40,00	NGUYEN Hoang Thuy Duong	international	VIE-2249
40,00	TRUNG Thi Thuy	international	
40,00	TRUNG Thranh	international	
39,17	NGUYEN Bao Tong	international	
37,47	PHAM To Hoang Anh	international	
29,03	NGUYEN Thi Thuy Trang	international	
24,00	HUYNH Thi Bich Ngoc	international	
24,00	LE Thanh Phuoc	international	
24,00	NGUYEN Truong Hoang	international	
24,00	PHAM Thi Hong Lam	international	
21,60	TRUONG Pham Phuong Khanh	international	VIE-2009
20,00	DANG Thi Nguyet	international	
20,00	NGUYEN Bui Nhu Y	international	
20,00	NGUYEN Duc Tri	international	
20,00	NGUYEN N.	international	
20,00	NGUYEN T.	international	
20,00	TRAN D.	international	
16,00	MAO Thi Hong Nhung	international	
15,76	NGUYEN Hoang Phuong Trang	international	
12,00	CHAU Toan Y	international	VIE-2223
12,00	NGO Van Thong	international	VIE-2179
12,00	NGUYEN Van Cong	international	
12,00	PHAN Nguyen Ngoc Hanh	international	
10,37	LE Nghia Hieu	international	
10,37	NGUYEN Van Truong	international	

Points	Athlet	Club / Town	GAL-ID
10,00	NGO V.	international	
10,00	NGUYEN Thi My Ngoc	international	
10,00	WANG Ya-Ho	international	
9,60	PHAM Hoang Minh	international	
9,60	TA Bao Quang	international	
8,78	NGUYEN Ngoc Tuong Vy	international	VIE-2036
8,78	NGUYEN Quang Phuc	international	
7,20	LUU Hoang Phi	international	VIE-2219
7,20	NGUYEN Bui Quoc Vinh	international	
7,20	NGUYEN Huynh Truc Chi	international	
7,20	NONG Thach Khiem	international	VIE-2217
6,41	TRAN Minh Tri	international	
6,22	NGUYEN Thi Thu Thuy	international	
6,22	VU Dinh Hoang Tung	international	
6,00	AN Jiheon	international	
6,00	CU Thi Hong Tuoi	international	VIE-2221
6,00	DANG Thi Truc Hao	international	
6,00	NGUYEN Duong Ngoc Han	international	VIE-2233
6,00	NGUYEN Thanh Dat	international	
6,00	NGUYEN Thi Bao Tran	international	
6,00	NGUYEN Thi Bich Phuong	international	
6,00	NGUYEN Thi Hao Tam	international	VIE-2215
6,00	TRINH Duc Vinh	international	
3,60	CHAU Kim Loan	international	
3,60	DIEP Ngoc Phuc Anh	international	
3,60	HO Ngoc Anh Thu	international	
3,60	HOANG Thi Tra My	international	
3,60	HUA Gia Huy	international	
3,60	LUU Quyen Phuoc	international	
3,60	NGUYEN Hoang Lan Anh	international	
3,60	PHAM Lai Hy	international	
3,60	TA Hong Bao	international	VIE-2027
3,11	DANG Dieu Vinh	international	
2,24	NGUYEN Tu Minh	international	VIE-1518
2,24	NGUYEN Van Minh	international	VIE-1545
1,34	DO Thi Luyen	international	
1,34	NGOC Doan Hong	international	
1,34	NGUYEN	international	

<b>Points</b>	<b>Athlet</b>	<b>Club / Town</b>	<b>GAL-ID</b>
1,34	NGUYEN Van Binh	international	
1,12	LIAO Wen-Hsuan	international	TPE-1893
0,90	NGUYEN Thi Hong Trang	international	
0,34	DAO Tu Anh	international	
0,34	DO Phuong Ha	international	
0,34	LE Anh Hao	international	
0,34	NGHIEM Phu Hien	international	
0,34	NGUYEN Huynh Quoc Bao	international	VIE-2026
0,34	NGUYEN T	international	
0,34	TRAN H.	international	